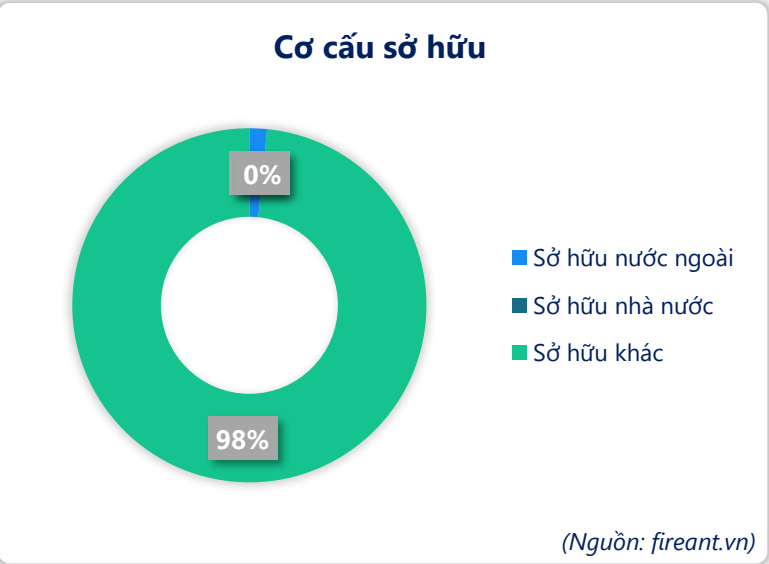
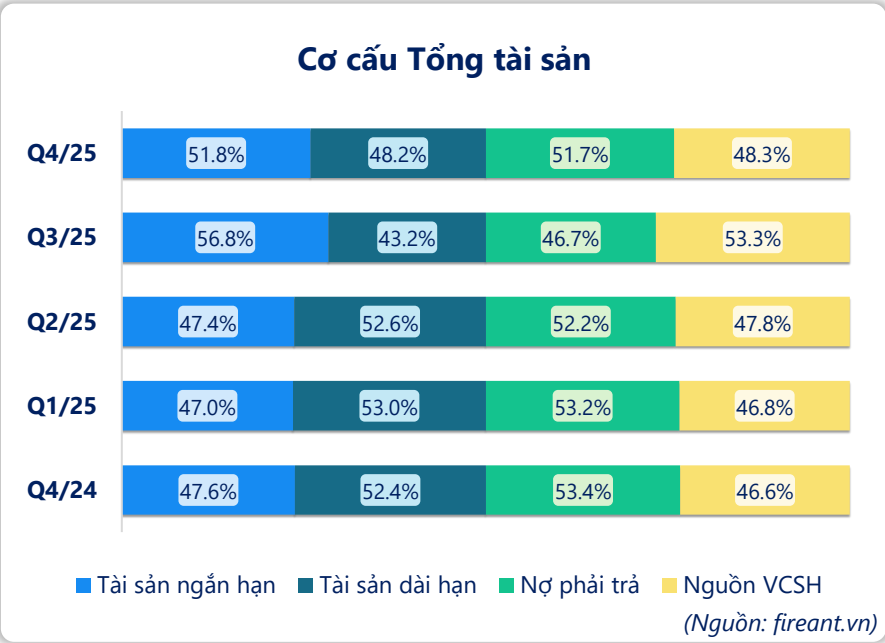
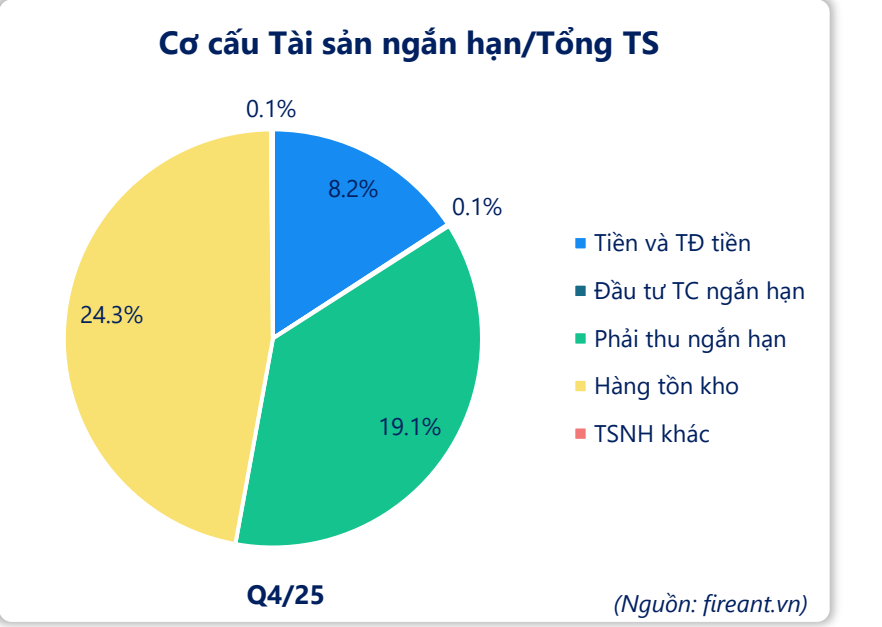
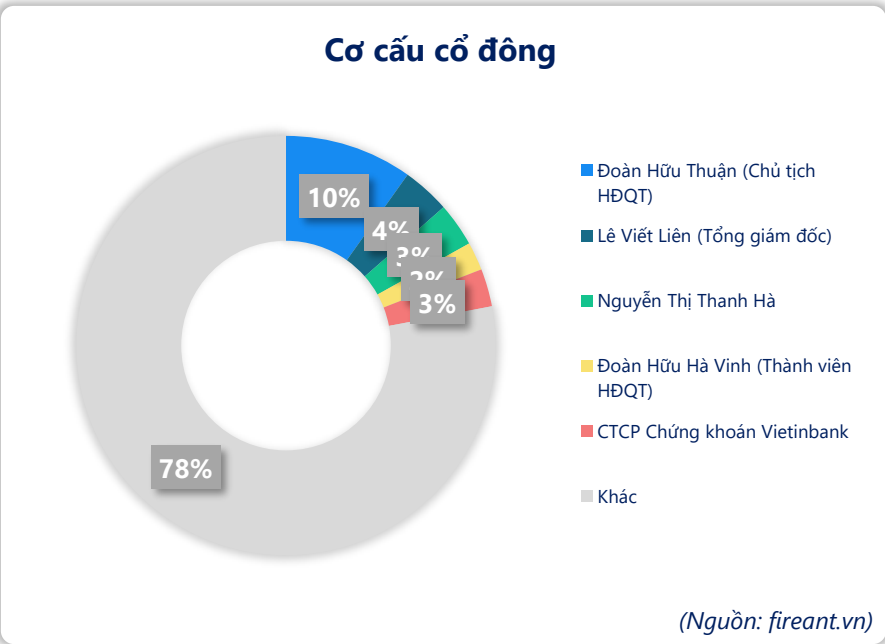
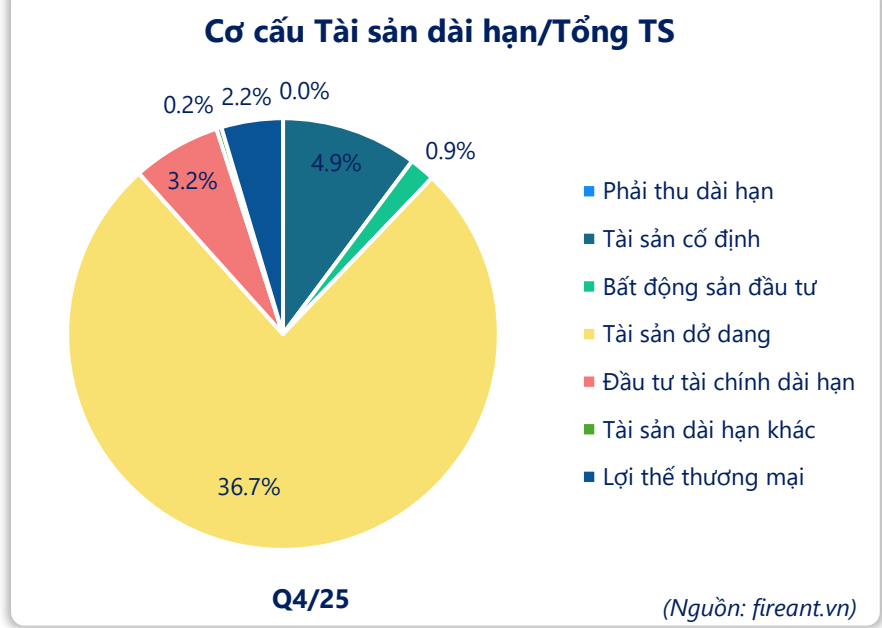
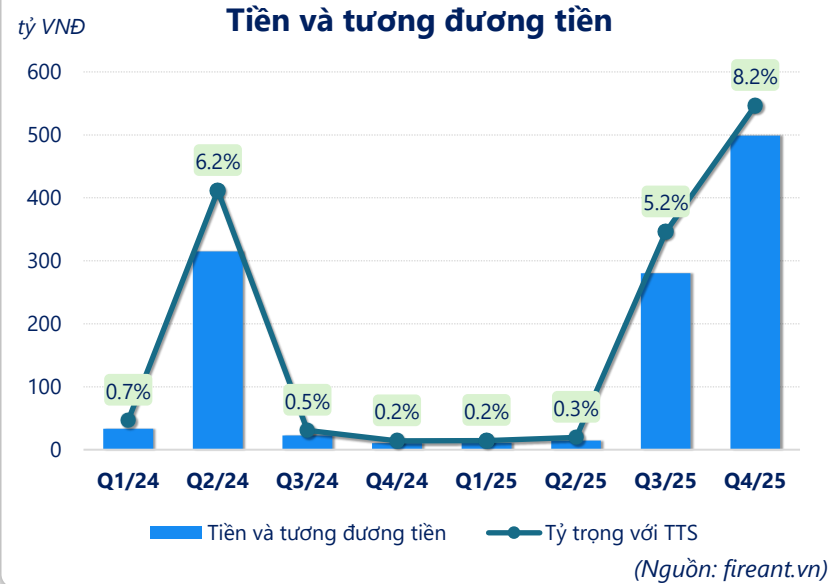
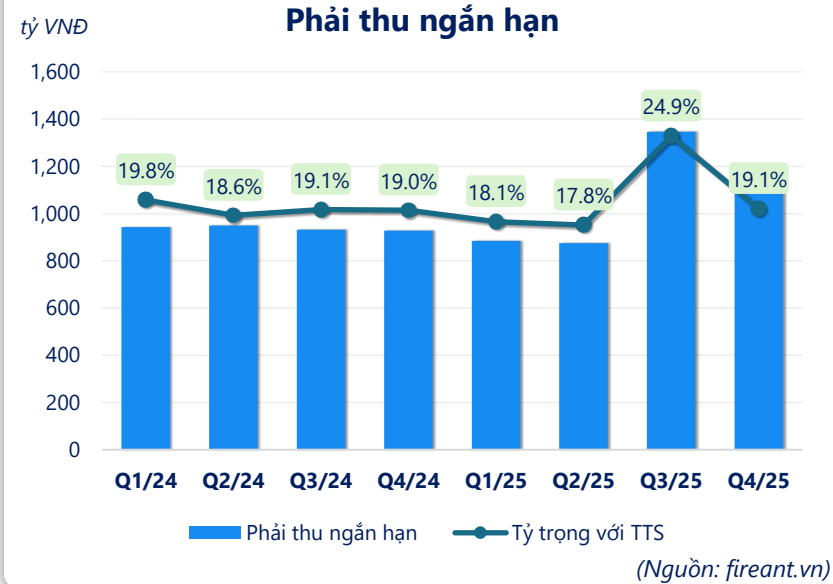
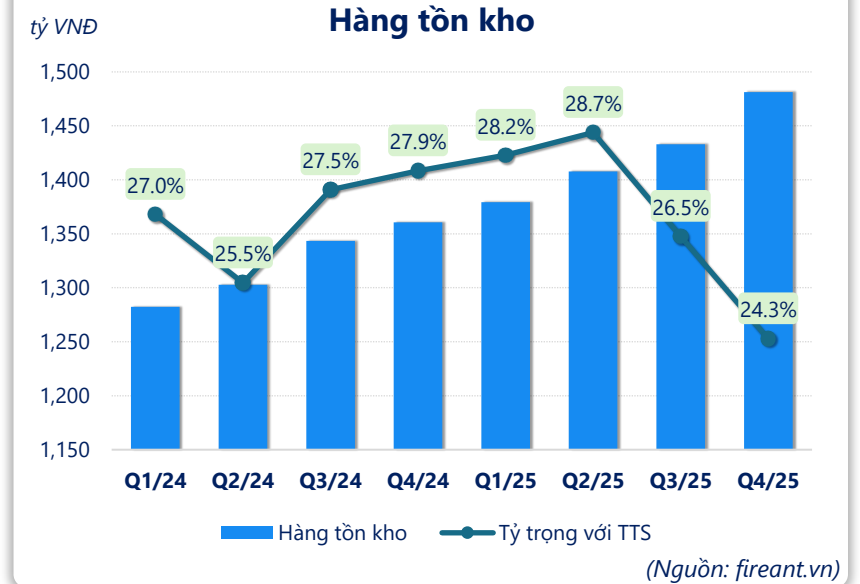
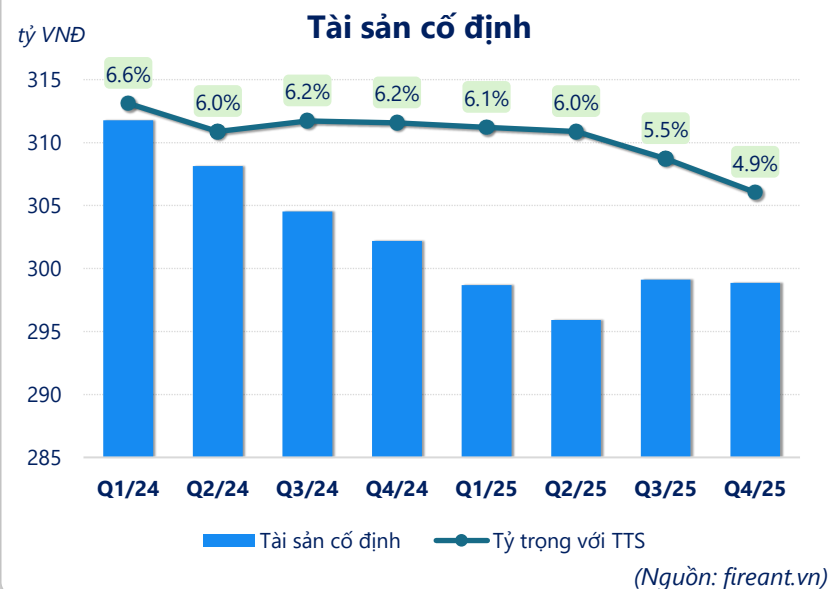
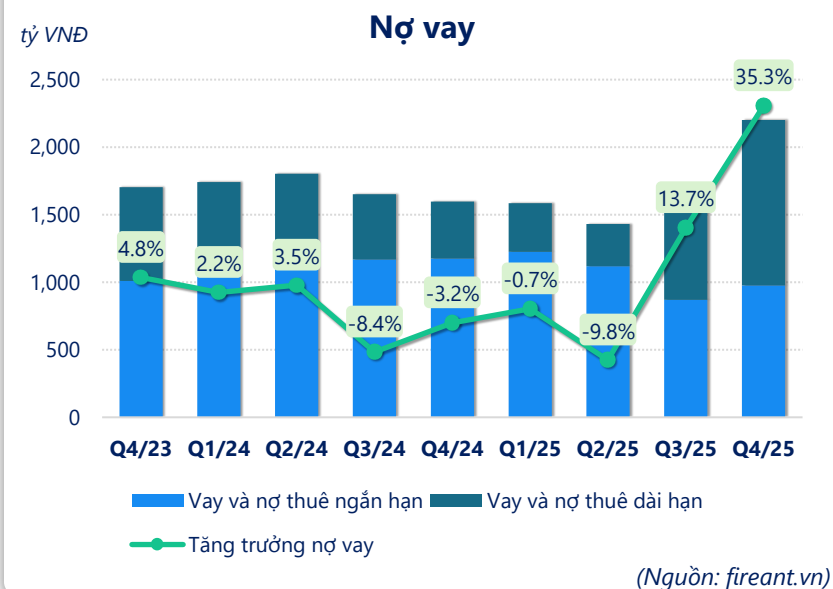
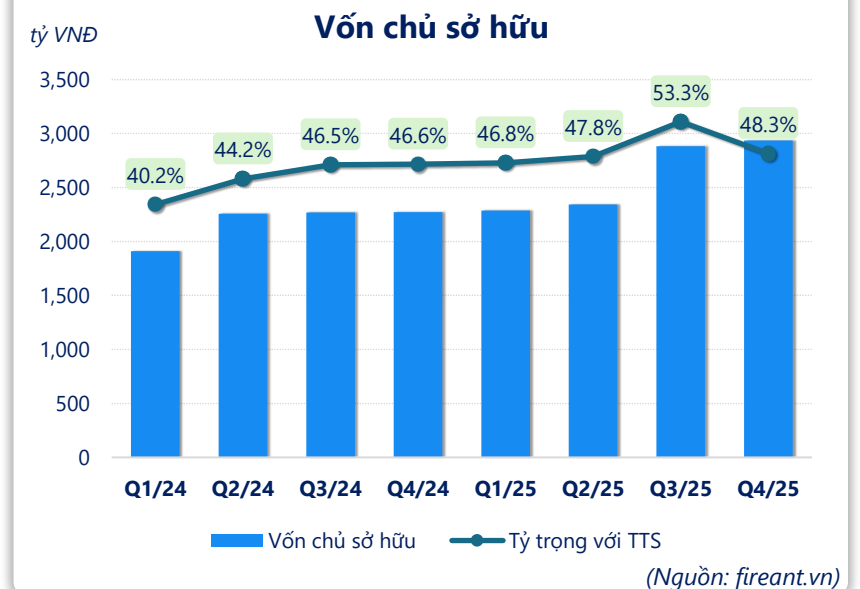
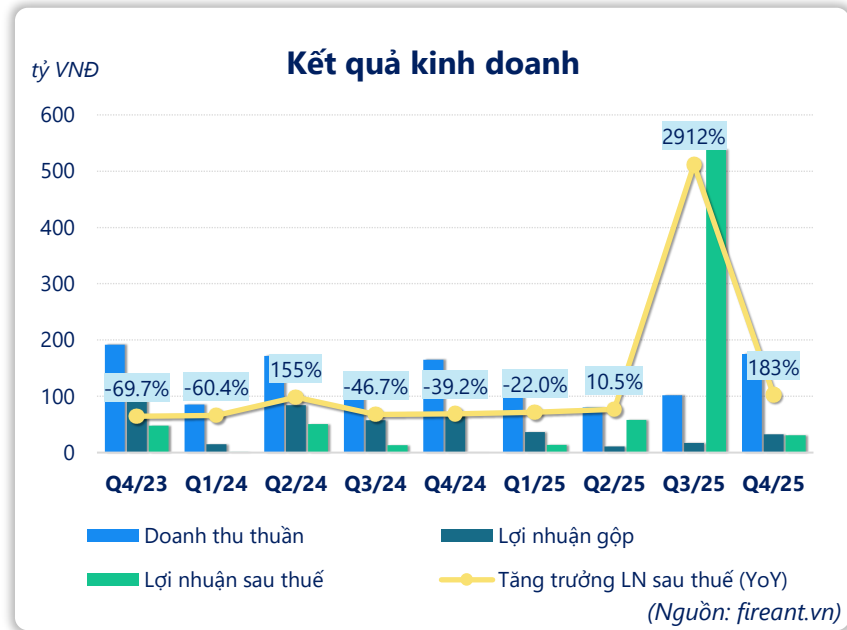
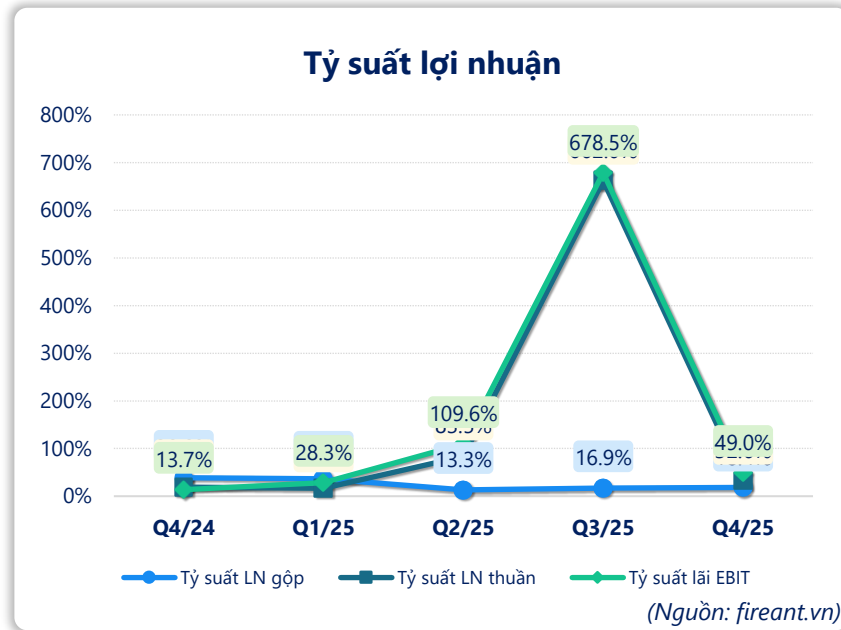
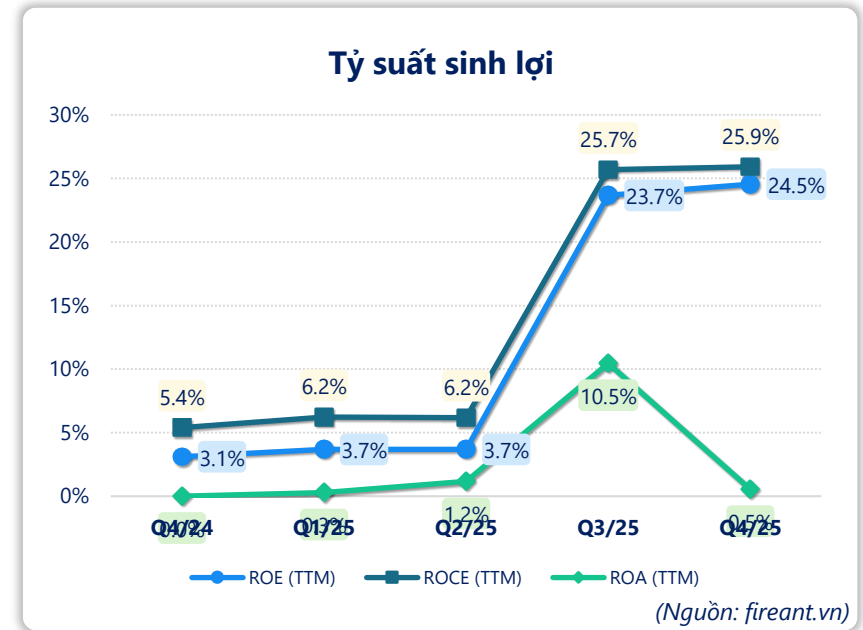
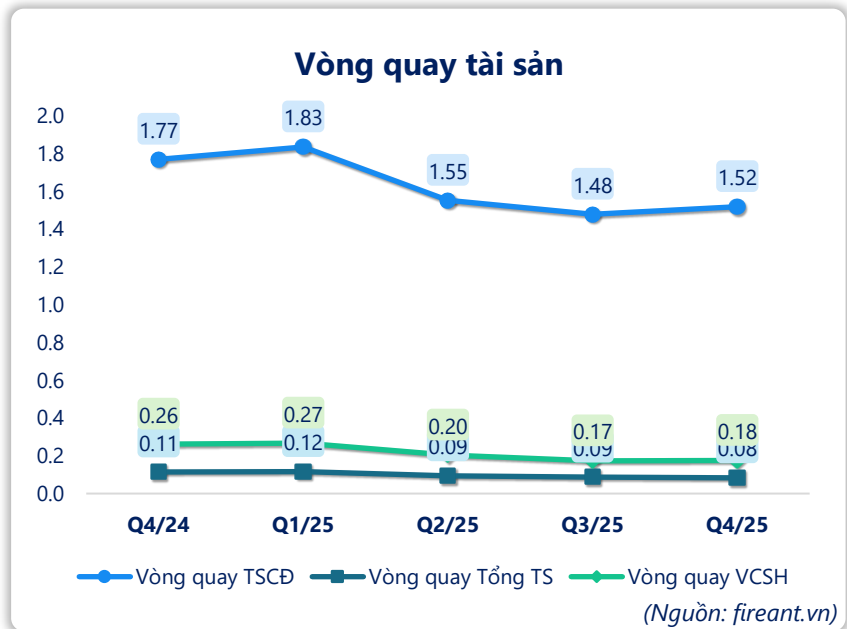
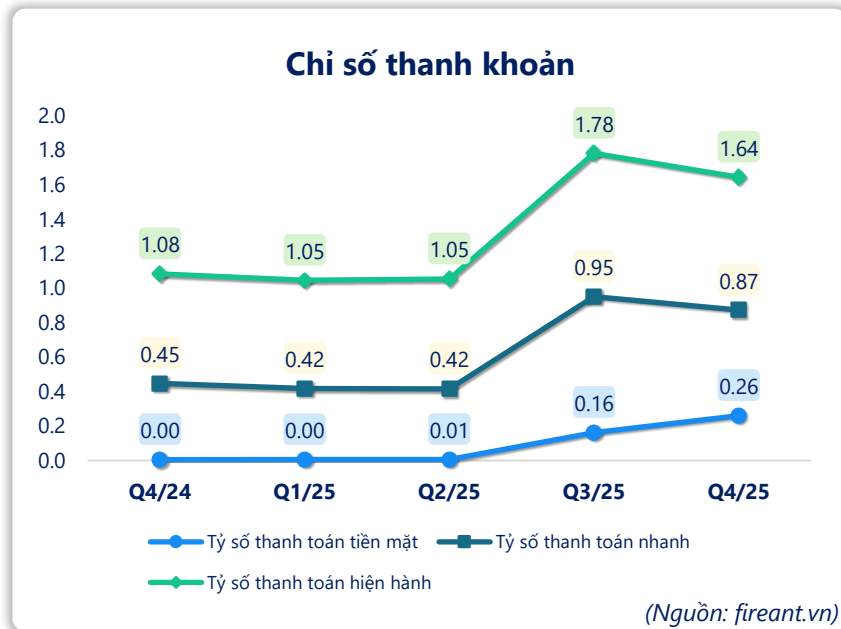
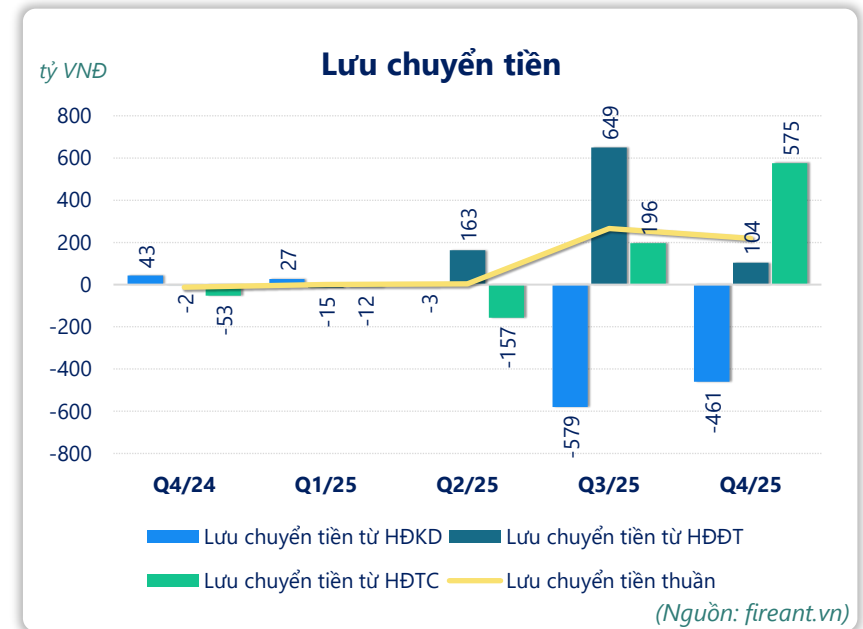


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,705
SL cổ phiếu LH		199,754,571
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,491,210
% sở hữu nước ngoài		1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,534
P/E		7.1
EPS		3,200

	YTD	1T	3T	6T
HDC	1.3%	-17.3%	-26.7%	-3.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,084	4,877	24.7%
Tài sản ngắn hạn	3,154	2,321	35.9%
Tiền và tương đương tiền	499	10.3	4745%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.19	4.61	-9.1%
Phải thu ngắn hạn	1,165	928	25.6%
Hàng tồn kho	1,481	1,361	8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.85	17.5	-72.3%
Tài sản dài hạn	2,930	2,557	14.6%
Phải thu dài hạn	0.26	0.01	3446%
Tài sản cố định	299	302	-1.1%
Bất động sản đầu tư	56.1	57.8	-2.9%
Tài sản dở dang	2,234	1,365	63.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	195	825	-76.4%
Tài sản dài hạn khác	11.0	6.92	59.1%
Lợi thế thương mại	135	0	
Nợ phải trả	3,147	2,605	20.8%
Nợ ngắn hạn	1,918	2,142	-10.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	977	1,176	-16.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	82.5	212	-61.1%
Nợ dài hạn	1,229	463	165%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,224	422	190%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,937	2,272	29.3%
Vốn chủ sở hữu	2,937	2,272	29.3%
Vốn điều lệ	1,998	1,784	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	165	99.0	80.2	102	175
Giá vốn hàng bán	101	62.5	69.6	84.8	143
Lợi nhuận gộp	64.1	36.5	10.7	17.2	32.2
Doanh thu HĐTC	0.36	2.88	71.8	700	90.2
Chi phí TC	15.2	11.5	21.3	20.3	29.8
Chi phí lãi vay	15.2	11.5	20.2	19.1	29.8
LN trong công ty LKLD	-0.78	2.68	23.3	5.81	8.50
Chi phí bán hàng	4.87	4.36	4.26	5.83	9.06
Chi phí QLDN	11.6	9.63	13.1	21.8	35.0
LN thuần từ HĐKD	32.0	16.5	67.0	675	57.1
Lợi nhuận khác	-24.6	0.01	0.72	-2.28	-0.95
LN trước thuế	7.45	16.5	67.7	673	56.1
Lợi nhuận sau thuế	0.78	13.7	58.1	539	30.9
LNST của CĐ cty mẹ	0.19	13.6	57.9	538	29.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.0	27.1	-2.82	-579	-461
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.22	-14.9	163	649	104
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-53.1	-11.7	-157	196	575
Tiền đầu kỳ	22.6	10.3	10.8	14.5	280
Lưu chuyển tiền thuần	-12.3	0.49	3.68	266	218
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.01	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	10.3	10.8	14.5	280	499

(Nguồn: fireant.vn)